

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Quý III năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3	Quý 3	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ đầu năm
			năm 2019	năm 2018	đến cuối quý này	đến cuối quý này
			VND	VND	(Năm nay)	(Năm trước)
					VND	VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	31,298,808,024	44,796,775,328	54,026,838,743	78,305,073,273
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	223,036,580	483,206,773	266,643,640	696,685,369
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		31,075,771,444	44,313,568,555	53,760,195,103	77,608,387,904
4. Giá vốn hàng bán	11	24	24,370,425,143	35,886,457,075	42,449,124,117	62,300,359,416
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		6,705,346,301	8,427,111,480	11,311,070,986	15,308,028,488
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1,121,755,529	358,609,846	2,804,165,035	1,666,192,659
7. Chi phí tài chính	22	26		739,336,700	264,539,531	1,428,836,808
Trong đó: Chi phí lãi vay		23				-
8. Chi phí bán hàng		25	2,642,844,858	2,904,665,437	4,663,865,706	5,621,877,847
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		26	2,041,343,846	2,069,560,520	4,177,517,937	4,440,739,563
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,142,913,126	3,072,158,669	5,009,312,847	5,482,766,929
11. Thu nhập khác		31				-
12. Chi phí khác		32			204,775	23,142,417
13. Lợi nhuận khác		40			(204,775)	(23,142,417)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,142,913,126	3,072,158,669	5,009,108,072	5,459,624,512
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	443,553,336	580,252,134	560,260,348	946,387,511
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		52				-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2,699,359,790	2,491,906,535	4,448,847,724	4,513,237,001
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		70			1,055	1,116
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		71			1,055	1,116

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2019



P Giám đốc

Nguyễn Ái Bình

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62,651,608,557	53,429,566,584
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	23,334,880,205	18,185,092,768
1. Tiền	111		5,098,721,298	6,557,761,849
2. Các khoản tương đương tiền	112		18,236,158,907	11,627,330,919
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4,974,854,817	5,185,530,423
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	5,486,543,092	5,531,249,092
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(511,688,275)	(345,718,669)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22,500,257,287	22,007,602,021
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	22,895,659,340	15,362,161,088
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	137,407,800	300
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	-	6,945,509,800
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	340,864,598	538,529,974
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(873,674,451)	(838,599,141)
IV. Hàng tồn kho	140	12	11,707,419,347	7,928,640,613
1. Hàng tồn kho	141		14,325,755,690	10,361,288,039
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,618,336,343)	(2,432,647,426)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		134,196,901	122,700,759
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	14,146,413	19,910,907
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	120,050,488	102,789,852
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34,397,828,102	26,549,248,915
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9,272,107,326	9,528,204,721
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	2,803,950,454	3,060,047,849
- Nguyên giá	222		5,561,078,486	5,561,078,486
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2,757,128,032)	(2,501,030,637)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	6,468,156,872	6,468,156,872
- Nguyên giá	228		6,468,156,872	6,468,156,872
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.b	25,125,720,776	16,334,490,701
1. Đầu tư vào công ty con	251		23,444,205,700	14,554,405,700
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2,000,000,000	2,000,000,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(318,484,924)	(219,914,999)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	686,553,493
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	-	686,553,493
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		97,049,436,659	79,978,815,499

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		38,836,902,708	21,363,529,272
I. Nợ ngắn hạn	310		38,836,902,708	21,363,529,272
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	29,505,502,064	12,740,241,187
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	64,187,002	99,894,728
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	429,385,345	137,246,514
4. Phải trả người lao động	314		6,792,315,772	4,339,495,337
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2,026,271,476	3,953,463,488
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	11,406,531	85,353,500
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7,834,518	7,834,518
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58,212,533,951	58,615,286,227
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	58,212,533,951	58,615,286,227
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	41,370,000,000	41,370,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41,370,000,000	41,370,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	2,227,438,218	2,227,438,218
3. Cổ phiếu quỹ	415	21	(679,873,904)	(679,873,904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	4,894,634,920	4,894,634,920
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	10,400,334,717	10,803,086,993
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5,951,486,993	5,591,450,719
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4,448,847,724	5,211,636,274
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		97,049,436,659	79,978,815,499

TP.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2019



P Giám đốc

Nguyễn Ái Bình

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PP GIÁN TIẾP)

QUÝ 3 NĂM 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế	Lũy kế
		năm 2019	năm 2018
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5,009,108,072	5,459,624,512
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	256,097,395	313,842,006
- Các khoản dự phòng	03	485,303,758	1,302,932,133
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2,794,968,235)	(1,666,192,659)
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	2,955,540,990	5,410,205,992
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7,780,962,802)	(16,254,171,810)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3,964,467,651)	(7,665,262,328)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	17,206,454,669	22.065,429,908
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	692,317,987	685.201,078
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	44,706,000	3,581,231,883
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(291,138,081)	(603,624,740)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8,862,451,112	7,219,009,983
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2,500,000,000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	189,518,489	2,350,000,000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2,133,808,689)	-
2 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,085,430,025	1,666,192,659
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1,141,139,825	1,516,192,659
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4,853,803,500)	(4,043,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4,853,803,500)	(4,043,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5,149,787,437	4,692,202,642
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18,185,092,768	13,440,544,658
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	23,334,880,205	18,132,747,300

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2019



P Giám đốc

Nguyễn Ái Bình

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12 tháng 11 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2015 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở));
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước).

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có 1 công ty con: Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai

Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 52,24%

Tại ngày 17/11/2016 Công ty có thêm 1 công ty con: Công ty CP Sách TBTH Vĩnh Long

Địa chỉ: 23 Đường Lê Văn Tám, Phường 1, TP Vĩnh Long

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 53,27%

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 37) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mối quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Tài sản cố định khác	4

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.12 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 *Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác*

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 *Các khoản giảm trừ doanh thu*

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5. Tiền	30/09/2019	01/01/2019
Tiền mặt	320,537,316	386,443,292
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4,778,183,982	6,171,318,557
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	18,236,158,907	11,627,330,919
Cộng	<u>23,334,880,205</u>	<u>18,185,092,768</u>

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/09/2019	01/01/2019
	Giá gốc	Giá gốc
- Chứng khoán kinh doanh	5,486,543,092	5,531,249,092
+ Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	3,044,031,947	3,044,031,947
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	95,578	95,578
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	303,271,470	303,271,470
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36,365,340	36,365,340
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	992,861,234	992,861,234
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	954,277,275	954,277,275
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	155,640,248	155,640,248
+ Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng (SRC)	-	44,706,000
Cộng	<u>5,486,543,092</u>	<u>5,531,249,092</u>
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(511,688,275)	(345,718,669)

b. Đầu tư dài hạn

	30/09/2019			01/01/2019		
	Tỷ lệ vốn	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con		23,444,205,700	-		14,554,405,700	-
- Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai (i)	55.99%	11,445,035,700	-	55.99%	11,445,035,700	-
- Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long (i)	78.86%	11,999,170,000	-	53.77%	3,109,370,000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2,000,000,000	318,484,924		2,000,000,000	219,914,999
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - TBGD Việt Nam	1.84%	2,000,000,000	318,484,924	1.84%	2,000,000,000	219,914,999
Cộng		<u>25,444,205,700</u>	<u>318,484,924</u>		<u>16,554,405,700</u>	<u>219,914,999</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu khách hàng - ngắn hạn

	30/09/2019	01/01/2019
Công ty CP Phát hành sách TPHCM - Fahasa		1,118,718,086
Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học tỉnh Đắk Nông	547,424,255	3,092,531,960
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	1,481,148,477	103,582,948
Đối tượng khác	20,867,086,608	11,047,328,094
Cộng	22,895,659,340	15,362,161,088

8. Trả trước cho người bán - ngắn hạn

	30/09/2019	01/01/2019
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo Dục	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Thành Đạt	136,500,000	-
Các đối tượng khác	907,800	300
Cộng	137,407,800	300

9. Phải thu về cho vay - Ngắn hạn

	30/09/2019	01/01/2019
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long (bên liên quan) (*)	-	6,945,509,800
Cộng	-	6,945,509,800

10. Phải thu khác - Ngắn hạn

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	290,461,790	-
Tạm ứng	151,688,930	-	64,318,744	-
Ký quỹ	181,830,000	-	181,830,000	-
Phải thu khác	7,345,668	-	1,919,440	-
Cộng	340,864,598	-	538,529,974	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Dự phòng nợ phải thu khó đòi - ngắn hạn

	30/09/2019	01/01/2019
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn:		
+ Trên 3 năm	778,012,173	808,012,173
+ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	37,115,918	20,793,543
+ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	58,546,360	9,793,425
Cộng	873,674,451	838,599,141

12. Hàng tồn kho

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	68,182,053	-	30,216,139	-
Chi phí SX, KD dở dang	948,842,148	-	1,163,246,162	-
Thành phẩm	13,162,015,947	2,618,336,343	9,022,011,251	2,432,647,426
Hàng hóa	146,715,542	-	145,814,487	-
Cộng	14,325,755,690	2,618,336,343	10,361,288,039	2,432,647,426

13. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước - ngắn hạn

	30/09/2019	01/01/2019
Chi phí trả bảo hiểm chờ phân bổ	14,146,413	19,910,907
Cộng	14,146,413	19,910,907

b. Chi phí trả trước - dài hạn

	30/09/2019	01/01/2019
Chi phí tổ chức bán thảo	-	686,553,493
Cộng	-	686,553,493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	3,531,966,825	57,782,720	1,813,624,453	157,704,488	5,561,078,486
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	3,531,966,825	57,782,720	1,813,624,453	157,704,488	5,561,078,486
Khấu hao					
Số đầu kỳ	734,155,663	57,158,371	1,581,581,709	128,134,895	2,501,030,637
Khấu hao trong kỳ	95,379,058	624,349	130,524,395	29,569,593	256,097,395
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	829,534,720	57,782,720	1,712,106,104	157,704,488	2,757,128,032
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	2,797,811,163	624,349	232,042,745	29,569,593	3,060,047,849
Số cuối kỳ	2,702,432,105	-	101,518,349	-	2,803,950,454

15. TSCĐ Vô hình

	Quyền sử dụng đất 363 Hưng Phú	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	6,468,156,872	6,468,156,872
Mua trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	6,468,156,872	6,468,156,872
Khấu hao		
Số đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	6,468,156,872	6,468,156,872
Số cuối kỳ	6,468,156,872	6,468,156,872

16. Phải trả người bán - Ngắn hạn

	30/09/2019	01/01/2019
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1,452,320,859	1,607,105,919
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	8,642,044,102	4,140,489,147
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	8,058,217,530	2,118,611,956
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	82,388,633
Các đối tượng khác	11,352,919,573	4,791,645,532
Cộng	29,505,502,064	12,740,241,187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Người mua trả tiền trước - Ngắn hạn

	30/09/2019	01/01/2019
Bùi Anh Tôn	3,536,400	3,536,400
Công ty CP Phát hành sách Khánh Hòa	-	-
Công ty TNHH Hỗ trợ phát triển Giáo dục	95,830	9,030,030
Chi nhánh Công ty CP Cửa hàng Sách - Thiết bị Giáo dục Huyện Cần Giuộc	9,776,549	16,551,000
Trường THCS Ngô Tất Tố	-	-
Nhà Sách Bình Minh	8,320,000	8,320,000
Các đối tượng khác	42,458,223	62,457,298
Cộng	64,187,002	99,894,728

18. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách

	01/01/2019	30/09/2019
	Phải trả	Phải trả
Thuế GTGT	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	54,120,793	77,137,357
Thuế TNDN	83,125,721	352,247,988
Thuế môn bài	-	-
Cộng	137,246,514	429,385,345

19. Chi phí phải trả - Ngắn hạn

	30/09/2019	01/01/2019
Chi phí bản thảo, biên tập	1,457,837,829	2,135,873,852
Chi phí hoa hồng môi giới	458,638,177	1,752,589,636
Chi phí khác	109,795,470	65,000,000
Cộng	2,026,271,476	3,953,463,488

20. Phải trả khác - ngắn hạn

	30/09/2019	01/01/2019
Cổ tức phải trả	-	2,203,500
Thù lao trả cho HĐQT	-	80,000,000
Phải trả khác	11,406,531	3,150,000
Cộng	11,406,531	85,353,500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2018	41,370,000,000	2,227,438,218	(679,873,904)	4,894,634,920	9,634,450,719	57,446,649,953
Tăng trong năm	-	-	-	-	5,211,636,274	5,211,636,274
Giảm trong năm	-	-	-	-	4,043,000,000	4,043,000,000
Số dư tại 31/12/2018	<u>41,370,000,000</u>	<u>2,227,438,218</u>	<u>(679,873,904)</u>	<u>4,894,634,920</u>	<u>10,803,086,993</u>	<u>58,615,286,227</u>
Số dư tại 01/01/2019	41,370,000,000	2,227,438,218	(679,873,904)	4,894,634,920	10,803,086,993	58,615,286,227
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	4,448,847,724	4,448,847,724
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	4,851,600,000	4,851,600,000
Số dư tại 30/09/2019	<u>41,370,000,000</u>	<u>2,227,438,218</u>	<u>(679,873,904)</u>	<u>4,894,634,920</u>	<u>10,400,334,717</u>	<u>58,212,533,951</u>

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m². Mục đích sử dụng: dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	QUÝ 3 NAM 2019	QUÝ 3 NAM 2018
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	31,298,808,024	44,796,775,328
Doanh thu khác	-	-
Cộng	<u>31,298,808,024</u>	<u>44,796,775,328</u>

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	QUÝ 3 NAM 2019	QUÝ 3 NAM 2018
Hàng bán bị trả lại	223,036,580	483,206,773
Cộng	<u>223,036,580</u>	<u>483,206,773</u>

24. Giá vốn hàng bán

	QUÝ 3 NAM 2019	QUÝ 3 NAM 2018
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	24,370,425,143	35,886,457,075
Giá vốn hoạt động khác	-	-
Cộng	<u>24,370,425,143</u>	<u>35,886,457,075</u>

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	QUÝ 3 NAM 2019	QUÝ 3 NAM 2018
Lãi tiền gửi, cho vay	196,609,078	170,636,014
Cổ tức, lợi nhuận được chia	925,146,451	170,898,000
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	-	17,075,832
Cộng	<u>1,121,755,529</u>	<u>358,609,846</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Chi phí tài chính

	QUÝ 3 NAM 2019	QUÝ 3 NAM 2018
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính		739,336,700
Cộng	-	739,336,700

27. Chi phí thuế TNDN hiện hành và lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm

	QUÝ 3 NAM 2019	QUÝ 3 NAM 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,142,913,126	3,072,158,669
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(925,146,451)	(170,898,000)
- Điều chỉnh tăng (Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế)		-
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	925,146,451	170,898,000
Tổng thu nhập tính thuế	2,217,766,675	2,901,260,669
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	443,553,336	580,252,134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	Công ty con
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Công ty con
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán học và tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán tuổi thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Bán hàng		
CN Tại TP.HCM CTY CP Sách Đại học Dạy Nghề	Cung ứng sách tham khảo	
CTY CP Sách Đại học Dạy Nghề	Cung ứng sách tham khảo	2,124,380
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Cung ứng sách tham khảo	2,070,783,932
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	49,910,000
CTY CP DV Xuất bản GD Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	
CTY CP DV Xuất bản GD Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo	
CTY CP Học Liệu	Cung ứng sách tham khảo	60,089,500
CN Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP.Cần Thơ	Cung ứng sách tham khảo	
CTY TNHH MTV Nhà Xuất Bản GD Việt Nam	Cung ứng sách tham khảo	
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP.HCM	Cung ứng sách tham khảo	9,384,100
CTY CP Sách & TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách tham khảo	
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long	Cung ứng sách tham khảo	377,688,590
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	Cung ứng sách tham khảo	187,294,630
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung	Cung ứng sách tham khảo	13,964,800
CTY CP Sách Giáo Dục tại TP.Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	797,432,840
CTY CP Sách Dịch và Từ Điển Giáo Dục	Cung ứng sách tham khảo	
CTY CP Sách Giáo Dục tại TP.Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo	867,373,620
CTY CP Phát hành Sách giáo dục	Cung ứng sách tham khảo	
Mua hàng		
CTY CP Bán Đồ & Tranh ảnh GD	Nhập sách tham khảo	5,269,902,150
Tạp Chí Toán Học và Tuổi Trẻ	Nhập sách tham khảo	151,200
Tạp Chí Toán Tuổi Thơ	Nhập sách tham khảo	-
Tạp Chí Văn Học và Tuổi Trẻ	Nhập sách tham khảo	-
CTY CP Sách Dân Tộc	Nhập sách tham khảo	20,939,200
CTY CP Sách Đại học Dạy Nghề	Nhập sách tham khảo	219,637,820
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	50,877,600
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Nhập sách tham khảo	420,800,012
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Nhập sách tham khảo	1,224,639,115
CTY CP Đầu tư và Xuất Bản Giáo Dục	Nhập sách tham khảo	-
CTY CP Dịch Vụ Xuất Bản GD Gia Định	Nhập sách tham khảo	-
CTY CP Dịch Vụ Xuất Bản GD Hà Nội	Tiền bản thảo	83,595,200
CTY CP Học Liệu	Nhập sách tham khảo	-
CTY CP Mĩ Thuật Và Truyền Thông	Nhập sách tham khảo	711,544,804
CN Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP.Cần Thơ	Nhập sách tham khảo	-
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP.HCM	Tiền vật tư, giấy, phí QLXB	91,805,000
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	-
CTY TNHH MTV Nhà Xuất Bản GD Việt Nam	Tiền vật tư, giấy	-
CTY CP Sách & TBGD Miền Bắc	Nhập sách tham khảo	218,783,880
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long	Nhập sách tham khảo, giáo khoa	346,154,800
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	Nhập sách tham khảo, giáo khoa	353,068,899
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung	Nhập sách tham khảo	-
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	1,435,401,450
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	Nhập sách tham khảo	13,969,522,221
CTY CP Sách dịch & Từ điển GD	Nhập sách tham khảo	226,569,600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Kết thúc niên độ, các khoản phải thu, phải trả như sau

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu	Phải trả
		VND	VND
CTY TNHH MTV Nhà Xuất Bản GD Việt Nam	Phải thu khách hàng		
NXBGD tại TPHCM	Phải trả người bán		287,952,580
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	Phải thu khách hàng	194,451,880	11,055,921,767
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Phải trả người bán	77,141,640	-
CTY CP Sách ĐH dạy nghề	Phải trả người bán		609,910,928
CTY CP Học liệu (EMCO)	Phải thu khách hàng	60,089,501	-
CTY CP Sách Dân Tộc	Phải trả người bán		260,929,538
CTY CP ĐT & PT GD Phương Nam	Phải thu khách hàng	641,925,008	558,528,135
CTY CP ĐT & PT GD Đà Nẵng	Phải trả người bán		69,240,172
CTY CP ĐT & PT GD Hà Nội	Phải trả người bán		635,689,485
CTY CP Mỹ Thuật & Truyền Thông	Phải trả người bán		779,974,584
CTY CP Sách dịch & Từ điển GD	Phải thu khách hàng		307,718,129
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Gia Định	Phải trả người bán		146,627,593
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Phải trả người bán		1,686,929,011
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Hà Nội	Phải trả người bán		1,510,399,419
CTY CP Bàn Đồ & Tranh ảnh GD	Phải trả người bán		5,634,381,290
Tạp Chí Toán Học và Tuổi Trẻ	Phải trả người bán		756,000
Tạp Chí Văn Học và Tuổi Trẻ	Phải trả người bán		-
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung	Phải thu khách hàng	42,288,550	-
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long	Phải trả người bán	308,446,410	480,821,810
CTY CP Sách & TBGD Miền Bắc	Phải trả người bán		793,276,000
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	Phải trả người bán	104,584,580	504,254,713
CTY CP Phát hành Sách Giáo dục	Phải trả người bán		

5. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.



P. Giám đốc

Nguyễn Ái Bình

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2019.

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hà